

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2020/HS-ST

Ngày: 07 - 7 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lưu Huỳnh Quang Thắng;
- Ông Nguyễn Thành Nhân.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Tuyên Trinh, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020, tại Hội trường Ủy ban nhân dân phường Núi Sam thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm lưu động công khai vụ án hình sự thụ lý số 45/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2020/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Thị Út N, sinh năm 1966, nơi sinh: Châu Đốc – An Giang; Nghề nghiệp: không; nơi cư trú: tổ 15, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang; trình độ học vấn không biết chữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn K (đã chết) và bà Trịnh Thị Đ (đã chết); anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là người lớn nhất; chồng Ngô Thanh D, sinh năm 1970; con có 02 người, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 1998.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/01/2020 cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

- Trần Thị Bé T, sinh năm 1993;

- Bùi Phi T, sinh năm 1989;

Người chứng kiến: Trần Trúc M, sinh năm 1997.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 24/01/2020 nhận được tin báo của quần chúng nhân dân, lực lượng phối hợp Công an thành phố Châu Đốc và Công an phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc kiểm tra quán giải khát thuộc tổ 9, khóm Vĩnh Đông, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang do Trần Thị Út N quản lý, phát hiện lập biên bản bắt quả tang thu giữ trong túi áo khoác của Nhứt có 22 đoạn ống hút nhựa màu vàng, sọc trắng, hàn kín bên trong chứa chất bột màu trắng; thu giữ trên tay Phan Thanh T 01 đoạn ống hút nhựa màu vàng, sọc trắng, hàn kín, bên trong chứa chất bột trắng. N khai Heroin vừa mua của đôi vợ chồng (không rõ họ tên, địa chỉ), cất giấu, bán lại cho Phan Thanh T sử dụng và những người nghiện để thu lợi.

Vật chứng thu giữ: 23 đoạn ống hút nhựa màu vàng, sọc trắng, hàn kín, bên trong chứa chất bột màu trắng; tiền Việt Nam 1.900.000 đồng.

Căn cứ Kết luận giám định số 30/KLGT-PC09 (MT) ngày 25/01/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang xác định: Mẫu M₁ thu giữ của Trần Thị Út N gửi giám định là ma túy loại Heroin, khối lượng 0,6712 gam; Mẫu M₂ thu giữ của Phan Thanh T gửi đến giám định là ma túy loại Heroin, khối lượng 0,0254 gam. Tổng khối lượng 0,6966 gam Heroin.

Tại Cáo trạng số 45/CT-VKSCĐ ngày 09/6/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố Trần Thị Út N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

Bị cáo khai nhận, mục đích muốn kiếm được nhiều tiền nên từ ngày 16/01/2020 đến ngày bị bắt (ngày 24/01/2020) bị cáo đã mua tổng cộng 03 lần được 75 tép ma túy của đôi vợ chồng không rõ họ, tên, địa chỉ với giá 70.000 đồng/tép để bán lại với giá mỗi tép từ 90.000 đồng đến 100.000 đồng; bán được 02 lần (50 tép); lần cuối (ngày 24/01/2020) mua 01 bọc ma túy gồm có 25 tép, bán 02 tép, mất 01 tép, còn 22 tép chưa bán thì bị bắt quả tang. Thu lợi từ việc bán ma túy được số tiền khoảng 1.500.000 đồng.

Khoảng 15 giờ ngày 24/01/2020, bị cáo có mua của đôi vợ chồng không rõ họ, tên, địa chỉ 01 bọc ma túy gồm có 25 tép Heroin với giá 1.750.000 đồng. Sau đó bán cho Bùi Phi T 01 tép với giá 100.000 đồng, bán cho Phan Thanh T 01 tép với giá 100.000 đồng thì bị Công an kiểm tra bắt quả tang phát hiện túi áo khoác bên phải có 05 tép ma túy, túi áo khoác bên trái có 17 tép ma túy. Từ trước đến nay bị cáo bán ma túy rất nhiều lần và cho rất nhiều người nghiện không biết rõ họ tên, địa chỉ nhưng lần gần nhất là ngày 24/01/2020 bán cho Bùi Phi T 01 tép ma túy loại Heroin giá 100.000 đồng, Phan Thanh T 01 tép ma túy loại Heroin giá 100.000 đồng và Trần Thị Bé T 01 tép ma túy loại Heroin giá 100.000 đồng với phương thức là giao ma túy và nhận tiền trực tiếp từ người nghiện. Bị cáo thực hiện mua bán ma túy một mình không có ai giúp sức.

Riêng số tiền 1.900.000 đồng thì có 700.000 đồng là tiền bán ma túy còn 1.200.000 đồng là tiền bán nước tích lũy để dành được.

Trong phát biểu luận tội, Kiểm sát viên trình bày:

Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của người làm chứng - những người trực tiếp mua ma túy của bị cáo cũng như vật chứng được thu giữ cùng các tài liệu, nguồn chứng cứ khác được cơ quan điều tra thu thập và được thẩm tra tại phiên tòa. Từ đó, có cơ sở xác định, bị cáo đã nhiều lần có hành vi bán ma túy cho đối tượng nghiện, trong đó có Bùi Phi T, Phan Thanh T và Trần Thị Bé T. Do đó, cáo trạng truy tố đối với bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Vì vậy, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước; gây ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm đối với bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình lượng hình, đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét đối với bị cáo về sự thành khẩn khai báo; quá trình điều tra đã tự thú khai nhận đối với những lần bán ma túy trước đó; bị cáo thuộc thành phần lao động, không biết chữ, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Do đó, về hình phạt chính, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù; đồng thời áp dụng hình phạt bổ sung, xử phạt bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Về áp dụng biện pháp tư pháp, trong thời gian bị cáo bán ma túy, bị cáo khai nhận số tiền hưởng lợi từ việc bán ma túy cho các đối tượng nghiện là nhiều lần, tổng cộng là 1.500.000 đồng. Đề nghị buộc bị cáo có trách nhiệm giao nộp lại số tiền đã thu lợi bất chính là 1.500.000 đồng từ hành vi phạm tội để sung vào ngân sách nhà nước.

Về xử lý vật chứng:

Đề nghị tịch thu tiêu hủy đối với 02 (hai) gói niêm phong ghi vụ số 30/KLGT-PC09 (MT) (được đánh dấu số 1, số 2) ngày 25/01/2020 có đóng dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Châu Đốc và các chữ ký ghi tên Nguyễn Đăng K, Ôn Văn T, đây là vật cấm lưu hành, không còn giá trị sử dụng.

Đối với số tiền Việt Nam 1.900.000 đồng. Bị cáo khai trong số tiền này có 700.000 đồng là tiền bán mua túy nên đề nghị tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước. Số tiền còn lại 1.200.000 đồng là tiền tích lũy từ việc bán nước có được, đề nghị giao trả cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để thi hành án.

Đối với Phan Thanh T đã chết nên không xử lý; Bùi Phi Th, Trần Thị Bé T có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy Cơ quan Điều tra chuyển xử lý hành chính là phù hợp.

Tại phần tranh luận, bị cáo không tranh luận đối đáp với Kiểm sát viên. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin được xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về tố tụng,

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an nhân dân thành phố Châu Đốc; Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[2] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại nên về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[3] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, người làm chứng Bùi Phi T, Trần Thị Bé T; người chứng kiến Trần Trúc M vắng mặt; bị cáo không có ý kiến về sự vắng mặt của những người này. Xét, những người làm chứng, người chứng kiến đã có lời khai trong quá trình điều tra nên việc vắng mặt tại phiên tòa, không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì

vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Về nội dung,

[4] Hành vi phạm tội: Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo với lời khai của những người làm chứng Phan Thanh T (mua rất nhiều lần, mỗi lần 01 tép, giá 100.000 đồng; lần cuối khoảng 16 giờ 30 phút ngày 24/01/2020 mua của bị cáo 01 tép, loại Heroin giá 100.000 đồng thì bị Công an phát hiện lập biên bản bắt quả tang); Bùi Phi T (mua rất nhiều lần, mỗi lần 01 tép giá 100.000 đồng, giao ma túy và nhận tiền tại quán cà phê của bị cáo; lần sau cùng khoảng 16 giờ 00 phút ngày 24/01/2020 mua 01 tép ma túy loại Heroin giá 100.000 đồng); Trần Thị Bé Thuận (mua rất nhiều lần, mỗi lần 01 tép ma túy loại Heroin giá 100.000 đồng; lần cuối khoảng 14 giờ ngày 24/01/2020 mua 01 tép ma túy giá 100.000 đồng) được cơ quan điều tra thu thập và thẩm tra tại phiên tòa là phù hợp nhau về khoảng thời gian, địa điểm cũng như cách thức mua bán, loại ma túy và giá tiền mà bị cáo đã bán ma túy.

Ngoài ra, hành vi mà bị cáo đã thực hiện còn phù hợp với các nguồn chứng cứ khác được cơ quan điều tra thu thập và thẩm tra tại phiên tòa như: Kết luận giám định, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng vụ án được thu giữ và các tài liệu, chứng cứ liên quan khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ các căn cứ trên có cơ sở xác định, mục đích của bị cáo là muốn kiếm nhiều tiền nên trong khoảng thời gian từ ngày 16/01/2020 đến ngày 24/01/2020, bị cáo nhiều lần có hành vi bán ma túy loại Heroin cho nhiều người nghiện ma túy, trong đó có Phan Thanh T, Bùi Phi T và Trần Thị Bé T. Bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi mua bán ma túy là vi phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện bán ma túy cho nhiều người.

Vì vậy, hành vi mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” với tình tiết định khung cấu thành tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*” và “*Đối với 02 người trở lên*” được quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự như nội dung cáo trạng truy tố.

Ma túy là chất gây nghiện, là mầm mống làm phát sinh nhiều tệ nạn xã hội và tội phạm khác nên Nhà nước độc quyền quản lý, đồng thời nghiêm cấm các hoạt động sản xuất, tàng trữ, mua bán, vận chuyển, chiếm đoạt, sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, làm ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Xét, cần có mức hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, tạo điều kiện để bị cáo nhận

thức sâu sắc hơn về hành vi đã thực hiện, đồng thời nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên.

[5] Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tự thú về các hành vi phạm tội đã thực hiện trước đó. Xét về nhân thân, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; thuộc thành phần lao động, không biết chữ, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên có xem xét áp dụng khi lượng hình, quyết định hình phạt đối với bị cáo như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên.

[6] Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo số tiền 10.000.000 đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[7] Biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo có trách nhiệm giao nộp số tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép chất ma túy là 1.500.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

[8] Xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy đối với 02 (hai) gói niêm phong ghi vụ số 30/KLGT-PC09 (MT) (được đánh dấu số 1, số 2) ngày 25/01/2020 có đóng dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Châu Đốc và các chữ ký ghi tên Nguyễn Đăng K, Ôn Văn T. Đây là vật cấm lưu hành, không còn giá trị sử dụng.

Đối với số tiền Việt Nam 1.900.000 đồng, giấy nộp tiền số 0009.23 ngày 20/5/2020. Bị cáo khai trong số tiền này có 700.000 đồng là tiền bán mua túy nên tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước. Số tiền còn lại 1.200.000 đồng là tiền tích lũy từ việc bán nước có được, xét giao trả cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để thi hành án.

[9] Những vấn đề khác: Đối với Phan Thanh Thọ đã chết nên không xử lý theo đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ. Riêng Bùi Phi Thanh, Trần Thị Bé Thuận là đối tượng nghiện, có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy cơ quan chức năng đã xử lý nên không đề cập trong vụ án.

[10] Án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo: Trần Thị Út N phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”;

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Út N: 08 (tám) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam ngày 24/01/2020.

Căn cứ khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự;

Về hình phạt bổ sung, buộc bị cáo Trần Thị Út N nộp phạt số tiền 10.000.000 đồng.

Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Buộc bị cáo giao nộp số tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép chất ma túy là 1.500.000 đồng để sung vào Ngân sách nhà nước.

Tịch thu tiêu hủy đối với 02 (hai) gói niêm phong ghi vụ số 30/KLGT-PC09 (MT) (được đánh dấu số 1, số 2) ngày 25/01/2020 có đóng dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Châu Đốc và các chữ ký ghi tên Nguyễn Đăng Khoa, Ôn Văn Thuận.

Đối với số tiền Việt Nam 1.900.000 đồng, giấy nộp tiền số 0009.23 ngày 20/5/2020. Tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước số tiền 700.000 (Bảy trăm nghìn) đồng. Giao trả cho bị cáo số tiền 1.200.000 (Một triệu, hai trăm nghìn) đồng nhưng tiếp tục tạm giữ để thi hành án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/5/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Châu Đốc với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc).

Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trần Thị Út N phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với án phí, số tiền phải nộp vào công quỹ Nhà nước) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Trần Thị Phương